CẬP NHẬT CÁC VĂN BẢN QPPL LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC AN TOÀN-VỆ SINH LAO ĐỘNG, PHÒNG CHỐNG BỆNH NGHỀ NGHIỆP

A. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về ATVSLĐ và phòng chống BNN

1. Luật (2)

- Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 (thay cho Bộ Luật lao động số 10/2012/QH13)
- Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/ QH13.

2. Nghị định – Quyết định (8)

- Nghị định số 39/2016/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ATVSLĐ.

- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật ATVSLĐ về hoạt động kiểm định kỹ thuật ATLĐ, huấn luyện ATVSLĐ và quan trắc MTLĐ.
- Nghị định 140/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ LĐ-TB-XH *(lĩnh vực huấn luyện ATVSLĐ)*

- Nghị định 28/2020/NĐ-CP Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực LĐ, BHXH, đưa người LĐ VN đi làm việc ở nước ngoài theo HĐ.

-Văn bản hợp nhất số 10/VBHN/BTNMT ngày 25/10/2019 hợp nhất NĐ số 44/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi NĐ số 140/2018/NĐ-CP

- Nghị định 58/2020/NĐ-CP Quy định mức đóng BHXH bắt buộc vào Quỹ bảo hiểm TNLĐ, BNN (thay cho các quy định tương ứng tại NĐ 44/2017/NĐ-CP)

- Nghị định 88/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ATVSLĐ về bảo hiểm TNLĐ, BNN bắt buộc (thay cho NĐ 37/2016/NĐ-CP)

- Nghị định 136/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC

- QĐ 23/2021/QĐ-ttg Quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người LĐ và người sử dụng LĐ gặp khó khăn do đại dịch COVID-19

3. Thông tư – Quyết định của Bộ Y tế (13)

- Từ Thông tư số 21 đến thông tư số 27/2016/BYT ban hành các QCVN về các yếu tố vật lý: ĐTT tần số cao, chiếu sáng, bức xạ tử ngoại, tiếng ồn, ĐTT tần số CN, vi khí hậu, rung cục bộ và toàn thân
- Thông tư số 02/2019/BYT Ban hành QCVN 02/2019/BYT về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

- Thông tư số 10/2019/BYT Ban hành QCVN 03/2019/BYT - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- Thông tư số 20/2021/BYT`Quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế (thay thế TTLT 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT)
- Thông tư 25/2018/TT-BYT Bãi bỏ 1 số văn bản QPPL trong lĩnh vực y tế do Bộ trưởng BYT ban hành, liên tịch ban hành *(bãi bỏ 1 phần 11 VBQPPL và bãi bỏ toàn bộ 28 VBQPPL, trong đó có Thông 31/2013/TT-BYT về QTMT bệnh viên)*

- Thông tư 17/2019/TT-BYT Hướng dẫn giám sát và đáp ứng với bệnh, dịch bệnh truyền nhiễm
- Thông tư 21/2021/TT-BYT Quy định về vệ sinh trong mai tang, hỏa táng
- Thông tư 29/2022/TT-BYT Hướng dẫn hoạt động đào tạo chuyên môn về y tế lao động
- Quyết định 6145/QĐ-BYT 2019 Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung/thay thế/ bãi bỏ về lĩnh vực Quản lý môi trường y tế thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế quy định tại Nghị định 140/2018/NĐ-CP

4. Thông tư của Bộ LĐTBXH (8)

- Thông tư 06/2020/TT-BLĐTBXH Ban hành Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ
- Thông tư 11/2020/TT-BLĐTBXH Ban hành Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghê, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
- Thông tư 36/2019/TT-BLĐTBXH Ban hành Danh mục các loại máy, thiết bị vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ

- Thông tư 04/2014/TT-BLĐTBXH Hướng dẫn thực hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân
- Thông tư 31/2018/TT-BLĐTBXH Quy định chi tiết hoạt động huấn luyên ATVSLĐ
- Thông tư 13/2020/TT-BLĐTBXH Hướng dẫn về việc thu thập, lưu trữ, tổng hợp, cung cấp, công bố, đánh giá về tình hình tai nạn lao động và sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng

- Thông tư 27/2021/TT-BLĐTBXH Hướng dẫn về nội dung, chương trình và việc tổ chức bồi dưỡng, sát hạch nghiệp vụ đánh giá AT,VSLĐ, việc miễn giảm các nội dung huấn luyện đã học với chuyên gia đánh giá AT,VSLĐ, hướng dẫn cách tính tần suất TNLĐ và một số biện pháp thi hành.
- Thông tư 28/2021/TT-BLĐTBXH quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật AT, VSLĐ về chế độ đối với người lao động bị TNLĐ, bệnh NN.

B. Một số điểm mới trong các văn bản QPPL

Bộ luật Lao động 2019 (so vơi năm 2012)

1. Mở rộng phạm vi và đối tượng điều chỉnh

- Mở rộng thêm đối tượng là người làm việc không có quan hệ lao động (không ký HĐLĐ)
- Đảm bảo người sử dụng LĐ phải nghiêm túc hơn trong quá trình sử dụng LĐ.

2. Tăng tuổi nghỉ hưu lên 62 tuổi với nam, 60 tuổi với nữ

- Nội dung này được quy định cụ thể theo nghị định 135/2020/NĐ-CP

3. Không còn hợp đồng lao động theo mùa vụ

- Chỉ còn 02 loại HĐ là: không xác định thời hạn và xác định thời hạn.
- Quy định này hạn chế tình trạng không đóng BHXH cho người LĐ bằng cách ký các loại HĐ mùa vụ, ...

4. Ghi nhận hình thức hợp đồng lao động điện tử

- Có giá trị như HĐLĐ bằng văn bản.

5. Được ký hợp đồng xác định thời hạn nhiều lần với người cao tuổi

- Người SDLĐ thỏa thuận giao kết nhiều lần HĐLĐ xác định thời hạn với người cao tuổi thay vì kéo dài thời hạn HĐLĐ hoặc giao kết HĐLĐ mới như trước đây.

6. Tăng thời giờ làm thêm theo tháng lên 40 giờ

- Thay vì 30 giờ theo Bộ luật Lao động 2012; thêm nhiều trường hợp người sử dụng LĐ được sử dụng người LĐ làm thêm không quá 300 giờ/1 năm.

7. Thêm trường hợp nghỉ việc riêng hưởng nguyên lương

- Cha nuôi, mẹ nuôi của vợ hoặc chồng chết được nghỉ 3 ngày hưởng nguyên lương.

8. Người lao động được đơn phương chấm dứt hợp đồng không cần lý do

- Chỉ cần báo trước 30/45 ngày tùy loại HĐLĐ. Người LĐ không cần báo trước trong một số trường hợp

9. Có thể ủy quyền cho người khác nhận lương

- Bị ốm đau, tai nạn không thể trực tiếp nhận lương.

10. Khi trả lương qua ngân hàng, người sử dụng lao động phải trả phí mở tài khoản

- Trước đây quy định người sử dụmg LĐ và người LĐ thỏa thuận

11. Không được ép buộc người lao động dùng lương để mua hàng hóa, dịch vụ của người sử dụng lao động hoặc của đơn vị khác mà người sử dụng lao động chỉ định.

12. Người lao động có thể được "thưởng" không chỉ bằng tiền

- Quy định về “Thưởng” thay vì “Tiền thưởng” như cũ.

13. Nhà nước không can thiệp trực tiếp vào tiền lương của doanh nghiệp

- Trên cơ sở thương lượng, thoả thuận với người lao động.
- Mức lương theo công việc hoặc chức danh không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do CP quy định

14. Khi trả lương, doanh nghiệp phải gửi bảng kê chi tiết cho người lao động

- Nhằm minh bạch tiền lương của người LĐ

15. Thay đổi về tiền đền bù khi bị chậm trả lương

- Chậm từ ≥15 ngày theo LS huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do ngân hàng nơi người sử dụng LĐ mở TK trả lương cho người LĐ công bố tại thời điểm trả lương (trước đây lãi suất do Ngân hàng NN công bố).

16. Không còn quy định lương tối thiểu ngành

- Mức lương tối thiểu chỉ còn được xác lập theo vùng,

17. Đối thoại định kỳ tại nơi làm việc ít nhất 01 năm một lần

- Thay vì tổ chức định kỳ 03 tháng/lần như Bộ luật Lao động 2012

18. Không thử việc với Hợp đồng lao động dưới 01 tháng

- Không áp dụng thử việc với HĐLĐ< 01 tháng (thay vì hợp đồng mùa vụ như trước).

19. Được sử dụng lao động nữ nuôi con dưới 1 tuổi làm ca đêm

- Làm ca đêm, làm thêm giờ và đi công tác xa nếu được người này đồng ý (trước đây không được).

20. Không quy định cụ thể thanh toán tiền lương những ngày chưa nghỉ ngoài trường hợp thôi việc, bị mất việc làm.

Chỉ có 02 trường hợp: bị mất việc làm hoặc thôi việc được thanh toán tiền lương những ngày chưa nghỉ hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm. Không quy định với các lý do khác.

21. Lao động nam cũng được hỗ trợ chi phí gửi trẻ

22. Sử dụng dưới 10 lao động cũng phải có Nội quy lao động

- Không bắt buộc ban hành nội quy LĐ bằng văn bản nhưng phải thỏa thuận nội dung về kỷ luật LĐ, trách nhiệm vật chất trong HĐLĐ.

23. Thay đổi trong khái niệm "Kỷ luật lao động"

- Kỷ luật lao động không chỉ là những quy định do người sử dụng lao động ban hành trong nội quy LĐ (như trước) mà còn do pháp luật quy định.

24. Bổ sung thêm 3 nội dung trong nội quy lao động

- đó là: trình tự, thủ tục xử lý hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc; Quy định trường hợp được tạm thời chuyển người LĐ làm việc khác so với HĐLĐ; Quy định người có thẩm quyền xử lý kỷ luật LĐ.

25. Bổ sung thêm trường hợp người lao động bị sa thải

- Là người LĐ có hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc (hành vi này phải ghi rõ trong nội quy LĐ) và bổ sung vào quyền đơn phương chấm dứt HĐLĐ của chủ sử dụng LĐ

26. Quy định rõ các hành vi bị cấm khi xử lý kỷ luật Bổ sung làm rõ các trường hợp như sau:

- Xâm phạm sức khỏe, danh dự, tính mạng, uy tín, nhân phẩm của người LĐ; Phạt tiền, cắt lương thay việc xử lý kỷ luật LĐ; Xử lý kỷ luật LĐ đối với hành vi vi phạm không được quy định trong nội quy LĐ hoặc không thỏa thuận trong HĐLĐ đã giao kết hoặc pháp luật về LĐ không có quy định

Một số điểm mới trong NĐ 88/2020/NĐ-CP

1. Nghị định số 88/2020/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ATVSLĐ về bảo hiểm TNLĐ&BNN đối với **người LĐ giao kết HĐLĐ với nhiều người sử dụng LĐ; người LĐ phát hiện bị BNN khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị BNN; hoạt động hỗ trợ từ Quỹ Bảo hiểm TNLĐ&BNN**; quản lý Quỹ Bảo hiểm TNLĐ&BNN; quyền và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong triển khai thực hiện các chế độ bảo hiểm TNLĐ&BNN bắt buộc

2. Một số điểm mới trong hoạt động hỗ trợ từ Quỹ Bảo hiểm TNLĐ&BNN:

- **NLĐ được hỗ trợ 100% chi phí chữa bệnh**
- So với *Nghị định 37/2016/NĐ-CP* thì Nghị định 88 đã nâng mức hỗ trợ chi phí chữa BNN lên 100% thay vì 50% như trước đây. Mặt khác, bổ sung thêm đối tượng được hưởng là "*thân nhân người lao động bị BNN*" thay vì chỉ giới hạn là người LĐ bị BNN như trước đây.

3. Tiền hỗ trợ được giới hạn bằng một số tiền cụ thể

- Mức hỗ trợ bằng 50% chi phí chữa bệnh nghề nghiệp tính theo biểu giá chữa bệnh nghề nghiệp tại thời điểm người lao động chữa bệnh nghề nghiệp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế sau khi đã được bảo hiểm y tế chi trả, *nhưng không quá 15 triệu đồng/người.*
- Số lần hỗ trợ tối đa đối với mỗi người lao động là 02 lần và trong 01 năm chỉ được nhận hỗ trợ 01 lần.

4. Điều kiện hưởng tiền chữa bệnh nghề nghiệp đơn giải hơn

- Người LĐ được hỗ trợ kinh phí chữa BNN khi có đủ các điều kiện sau:
- – Đã được chẩn đoán bị BNN tại cơ sở khám bệnh, chữa BNN.
- – Đã tham gia bảo hiểm TNLĐ, BNN ≥ 12 tháng và đang tham gia tính đến tháng liền kề trước tháng đề nghị hỗ trợ kinh phí chữa BNN.
- – Có tham gia BHXH bắt buộc trong thời gian làm các nghề, công việc gây BNN.
- *Nghị định mới đã bỏ điều kiện người sử dụng lao động đã tổ chức khám, phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo quy định*

5. Nười LĐ không nghỉ việc thì không được hưởng chế độ dưỡng sức, phục hồi SK

- Theo quy định Luật ATVSLĐ thì người LĐ sau khi điều trị ổn định thương tật do TNLĐ hoặc bệnh tật do BNN, trong thời gian 30 ngày đầu trở lại làm việc mà SK chưa phục hồi thì được nghỉ dưỡng sức, phục hồi SK từ 05-10 ngày cho một lần bị TNLĐ,BNN.
- Nghị định số 88/2020/NĐ-CP quy định trường hợp người LĐ không nghỉ việc thì không được hưởng chế độ dưỡng sức, phục hồi SK sau khi điều trị thương tật, bệnh tật.

Nghị định số 140/NĐ-CP/2018 sửa đổi một số điểm về quan trắc MTLĐ trong NĐ 44/2016, trong đó sửa Điều 33 về Điều kiện của tổ chức hoạt động QT MTLĐ như sau:

- Sửa năng lực của người phụ trách QTMTLĐ như sau: "- Có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực QTMTLĐ hoặc 03 *(05)* năm kinh nghiệm trong lĩnh vực y học dự phòng"
- Sửa năng lực người tham gia QT như sau: "- Trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên thuộc các lĩnh vực y tế, môi trường, hóa sinh;"*(trong đó có ít nhất 60% só người có trình độ từ ĐH trở lên)*

- Sửa các điều kiện cơ sở vật chất, năng lực QTMTLĐ như sau:

a) Quan trắc yếu tố có hại trong môi trường lao động

Đảm bảo thực hiện được tối thiểu 70% yếu tố sau đây: *(trước kia chỉ giới hạn ở các yếu tố bụi và hóa)*

- Đo, thử nghiệm, phân tích tại hiện trường và trong phòng thí nghiệm các yếu tố vi khí hậu, bao gồm: nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió và bức xạ nhiệt;

- Đo, thử nghiệm, phân tích tại hiện trường và trong phòng thí nghiệm yếu tố vật lý, bao gồm: ánh sáng, tiếng ồn, rung theo giải tần, phóng xạ, điện từ trường, bức xạ tử ngoại;

- Đánh giá yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp, bao gồm: yếu tố vi sinh vật, gây dị ứng, mẫn cảm, dung môi;

- Đánh giá gánh nặng lao động và một số chỉ tiêu tâm sinh lý lao động Ec-gô-nô-my: Đánh giá gánh nặng lao động thể lực; đánh giá căng thẳng thần kinh tâm lý; đánh giá Ec-gô-nô-my vị trí lao động;
- Lấy mẫu, bảo quản, đo, thử nghiệm tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm của bụi hạt, phân tích hàm lượng silic trong bụi, bụi kim loại, bụi than, bụi talc, bụi bông và bụi amiăng;

- Lấy mẫu, bảo quản, đo, thử nghiệm tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm của các yếu tố hóa học tối thiểu bao gồm NOx, SOx, CO, CO_2, dung môi hữu cơ (benzen và đồng đẳng - toluen, xylen), thủy ngân, asen, TNT, nicotin, hóa chất trừ sâu.”

b) Có kế hoạch và quy trình bảo quản, sử dụng an toàn, bảo dưỡng và kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc quy định của nhà sản xuất *nếu cơ quan nhà nước có thẩm quyền không quy định;*

c) Có quy trình sử dụng, vận hành thiết bị lấy và bảo quản mẫu, đo, thử nghiệm và phân tích *môi trường lao động*." *(điều kiện lao động)*

Nghị định số 28/2020/NĐ-CP

Điều 19. Vi phạm quy định về BC công tác AT-VSLĐ: NLĐ không BC các nguy cơ xảy ra sự cố, TNLĐ, BNN (0,5-1tr); người SDLĐ không BC về AT-VSLĐ; không BC, thống kê TNLĐ, BNN, sự cố (1-10tr)

Điều 20. Vi phạm quy định về các biện pháp đảm bảo AT-VSLĐ: không lập hồ sơ VSLĐ (0,5-1tr); không có kế hoạch, nội quy ATVSLĐ; không bộ phận ATVSLĐ, YT; không có lực lượng và huấn luyện SCC; không phân loại LĐ NN-ĐH-NH (5-10tr); không định kỳ KT, bảo dưỡng; không có thiết bị AT, không kế hoach ứng phó sự cố; không điều tra, khai báo TNLĐ; không đủ buồng tắm; không trang bị phương tiện SCC (20-25tr)

Điều 21. Vi phạm quy định về phòng ngừa TNLĐ, BNN: không sử dụng PPE; không tham gia SCC, xử lý sự cố khi có yêu cầu (0,5-1tr); không khám ĐK, BNN (1-3tr/người); không khám bố trí việc (5-10tr); không ĐT PHCN cho TNLĐ,BNN; không bố trí việc phù hợp sau ĐT (1-15tr/người); không thông tin ATVSLĐ; không QTMTLĐ, đánh giá ATLĐ (10-15tr); không xử lý thiết bị, khu vực nguy cơ cao TLĐ, BNN; không khử độc, khử trùng; không tổ chức ứng cứu sự cố (20-25tr)

- Không thực hiện quy định về PPE, bồi dưỡng hiện vật (3-30tr); Vi phạm các QCVN về ATVSLĐ (25-40tr); Buộc NLĐ làm khi có nguy cơ sự cố

Điều 22. Vi phạm quy định về trách nhiệm của người SDLĐ đối với TNLĐ, BNN: không SCC, không thanh toán: đồng chi trả, chi phí SCC, ĐT cho NLĐ không bảo hiểm YT, chi phí khám giám định cho NLĐ mất sức <5%; không trợ cấp, bồi thường TNLĐ-BNN (1-3tr/người); phân biệt đối xử với NLĐ (5-50tr)

Điều 23. Vi phạm quy định về sử dụng máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động

Điều 24. Vi phạm quy định về hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động

Điều 25. Vi phạm quy định về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

Điều 26. Vi phạm quy định về quan trắc môi trường lao động

- <u>Đối với người sử dụng LĐ</u>:

+ Không công bố công khai KQ QTMTLĐ và KQ đánh giá yếu tố nguy hiểm theo quy định (1-2tr)

+ Không tổ chức QTMTLĐ theo quy định (20-50tr)

+ Gian lận KQ QTMTLĐ (40-60tr nếu không hình sự)

- <u>Đối với tổ chức QTMTLĐ:</u>

+ Không BC KQ hoạt động hàng năm, không BC khi thay đổi trụ sở, không tham gia huấn luyện cập nhật kiến thức (1-2tr)

+ Tổ chức hoạt động QT MTLĐ khi chưa công bố đủ ĐK QT MTLĐ (50-75tr)

+ Gian lận KQ QTMTLĐ hoặc tiến hành QT không theo quy trình đã được pháp luật công nhận (80-120tr nếu không hình sự)

+ Không QT mà có KQ QTMTLĐ (120-160tr nếu không hình sự)

Slide 40

A1 Asus, 11/2/2021

Thông tư 20/2021/BYT Quy định QL CTYT *trong phạm vi khuôn viên CSYT*

- Phạm vi điều chỉnh: phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải y tế *trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.*
- *Chất thải lây nhiễm* là chất thải thấm, dính, chứa *máu* của cơ thể hoặc chứa *vi sinh vật gây bệnh.*
- Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn bao gồm bông, băng, gạc, …. *vỏ lọ vắc xin thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực thải bỏ; chất thải lây nhiễm dạng lỏng….*

- Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao bao gồm mẫu bệnh phẩm, dụng cụ đựng, dính mẫu bệnh phẩm, chất thải dính mẫu bệnh phẩm thải bỏ *từ các phòng XN tương đương ATSH cấp II* trở lên; các chất thải phát sinh *từ buồng bệnh cách ly, khu vực điều trị cách ly, khu vực lấy mẫu xét nghiệm người bệnh mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm nhóm A, nhóm B*

A: đặc biệt nguy hiểm, có khả năng lây truyền rất nhanh, rộng, tử vong cao hặc chưa rõ tác nhân gây bệnh, như: bại liệt, cúm AH5N1, dịch hạch, đậu mùa, Ebola, Marburg, tả, sốt vàng, sốt tây sông Nile, SARCS, *SARCS-CoV 2*, bệnh mới phát sinh chưa rõ NN

B*: bạch hầu, ho gà, sởi, rubella, than, viêm màng não mủ do não mô cầu, chân tay miệng, thủy đậu, quai bị*, adeno virus, HIV/AIDS, cúm, dại, lao phổi, bệnh do liên cầu lợn, lỵ, quai bị, sốt xuất huyết, SR, sốt phát ban, thương hàn, uốn ván, viêm gan virus, viêm màng não do virus, lepto, tiêu chảy do virus rota

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm và chất thải thông thường: *mô tả chi tiết hơn*, TD:
- *Dung dịch rửa phim X- Quang, nước thải từ thiết bị xét nghiệm, phân tích* được đưa vào CTNH không lây nhiễm
- *Vỏ lọ vắc xin thải bỏ không thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực; Chất thải lây nhiễm sau khi đã xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường* được coi là chất thải thông thường

- Về thu gom chất thải: quy định chi tiết hơn
- *Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao phải xử lý sơ bộ … <u>bằng thiết bị khử khuẩn</u>. Nếu không có thiết bị khử khuẩn chất thải, trước khi thu gom túi đựng chất thải phải buộc kín miệng túi và tiếp tục bỏ vào túi đựng chất thải lây nhiễm thứ 2, buộc kín miệng túi và bỏ vào thùng thu gom chất thải lây nhiễm, bên ngoài thùng có dán nhãn "CHẤT THẢI CÓ NGUY CƠ LÂY NHIỄM CAO", được thu gom, lưu giữ riêng tại khu lưu giữ chất thải lây nhiễm*

- Chất thải lây nhiễm dạng lỏng thu gom vào hệ thống thu gom nước thải y tế của cơ sở y tế
- Khí thải phải được *xử lý, loại bỏ các vi sinh vật gây bệnh* trước khi xả ra môi trường xung quanh
- Hệ thống thu gom nước thải phải là hệ thống kín và bảo đảm thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh trong cơ sở y tế

- Về lưu giữ chất thải

+ Khu vực lưu giữ tại CSYT quy định đơn giản hơn *(không quy định: mái che, nền cao chống ngập, chống tràn…)*

+ Thời gian lưu giữ: quy định cụ thể hơn, với CTNH không lây có thể 1 năm hoặc hơn. Có quy định cho vùng sâu, xa cho CTLN sắc nhọn

- Có quy định về giảm phát sinh chất thải nhựa

- Quy định cụ thể hơn về tái chế CTLN: *sau khi xử lý đạt QCVN về môi trường được quản lý như CTR thông thường và được phép thu gom để tái chế. Khi chuyển giao chất thải bao bì lưu chứa phải buộc kín, bên ngoài có biểu tượng chất thải tái chế theo quy định và ghi đầy đủ thông tin vào Sổ bàn giao chất thải đã khử khuẩn đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường phục vụ mục đích tái chế theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này*

Quyết định 6145/QĐ-BYT *ngày 31/12/2019*

- Các thủ tục hành chính được sửa, bổ sung:

+ Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động QTMTLĐ thuộc thẩm quyền BYT, Sở YT: nội dung cụ thể bao gồm: trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ, thời hạn giải quyết, các mẫu, điều kiện (như NĐ 140/NĐ-CP + có chứng chỉ đào tạo về QTMTLĐ),…

- Các thủ tục hành chính bị bãi bỏ:

+ Công bố CSYT đủ điều kiện huấn luyện cấp chứng chỉ chứng nhận chuyên môn về YTLĐ của Bộ YT, Sở YT

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN